

Số: 882/TB-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 8 năm 2019

**THÔNG BÁO**  
**CHỈ TIÊU VÀ ĐIỂM XÉT TUYỂN BỔ SUNG ĐỢT 1**  
**TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HỆ CHÍNH QUY NĂM 2019**

**1. Thông tin chung về trường**

- Tên trường: Trường Đại học Đồng Tháp
- Địa chỉ: 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Địa chỉ trang web: [www.dthu.edu.vn](http://www.dthu.edu.vn)
- Điện thoại: 0277 3882258; 0277 3881518
- Vùng tuyển: Tuyển sinh trong cả nước

**2. Điểm xét tuyển bổ sung (ĐXT) các ngành Đại học sư phạm, Cao đẳng sư phạm**

| TT                    | Tên ngành          | Mã ngành | Chỉ tiêu xét bổ sung | Tổ hợp môn               | Môn xét tuyển                                                                          | Môn chính | ĐXT          |               |
|-----------------------|--------------------|----------|----------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|---------------|
|                       |                    |          |                      |                          |                                                                                        |           | THPT QG 2019 | HỌC BẠ LỚP 12 |
| NGÀNH ĐẠI HỌC SƯ PHẠM |                    |          | 78                   |                          |                                                                                        |           |              |               |
| 1                     | Giáo dục Mầm non   | 7140201  | 30                   | M00<br>M05<br>M07<br>M11 | Văn, Toán, NK GDMN<br>Văn, Sử, NK GDMN<br>Văn, Địa, NK GDMN<br>Văn, Tiếng Anh, NK GDMN | NK GDMN   | 21           | 24            |
| 2                     | Giáo dục Tiểu học  | 7140202  | 3                    | C01<br>C03<br>C04<br>D01 | Văn, Toán, Lý<br>Văn, Toán, Sử<br>Văn, Toán, Địa<br>Văn, Toán, Tiếng Anh               |           | 19.5         |               |
| 3                     | Giáo dục Chính trị | 7140205  | 5                    | C00<br>C19<br>D01<br>D14 | Văn, Sử, Địa<br>Văn, Sử, GDCD<br>Văn, Toán, Tiếng Anh<br>Văn, Sử, Tiếng Anh            |           | 18           |               |
| 4                     | Giáo dục Thể chất  | 7140206  | 5                    | T00<br>T05<br>T06<br>T07 | Toán, Sinh, NKTDTT<br>Văn, GDCD, NKTDTT<br>Toán, Địa, NKTDTT<br>Văn, Địa, NKTDTT       | NK TD TT  | 22           | 23            |

| TT                            | Tên ngành         | Mã ngành | Chỉ tiêu xét bổ sung | Tổ hợp môn               | Môn xét tuyển                                                                             | Môn chính | ĐXT          |               |
|-------------------------------|-------------------|----------|----------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|---------------|
|                               |                   |          |                      |                          |                                                                                           |           | THPT QG 2019 | HỌC BẠ LỚP 12 |
| 5                             | Sư phạm Vật lý    | 7140211  | 4                    | A00<br>A01<br>A02<br>A04 | Toán, Lý, Hóa<br>Toán, Lý, Tiếng Anh<br>Toán, Lý, Sinh<br>Toán, Lý, Địa                   |           | 18           |               |
| 6                             | Sư phạm Hóa học   | 7140212  | 2                    | A00<br>B00<br>D07<br>A06 | Toán, Lý, Hóa<br>Toán, Hóa, Sinh<br>Toán, Hóa, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa, Địa                |           | 18           |               |
| 7                             | Sư phạm Ngữ văn   | 7140217  | 8                    | C00<br>C19<br>D14<br>D15 | Văn, Sử, Địa<br>Văn, Sử, GDCD<br>Văn, Sử, Tiếng Anh<br>Văn, Địa, Tiếng Anh                |           | 19           |               |
| 8                             | Sư phạm Lịch sử   | 7140218  | 4                    | C00<br>C19<br>D14<br>D09 | Văn, Sử, Địa<br>Văn, Sử, GDCD<br>Văn, Sử, Tiếng Anh<br>Toán, Sử, Tiếng Anh                |           | 18           |               |
| 9                             | Sư phạm Địa lý    | 7140219  | 4                    | C00<br>C04<br>D10<br>A07 | Văn, Sử, Địa<br>Văn, Toán, Địa<br>Toán, Địa, Tiếng Anh<br>Toán, Sử, Địa                   |           | 18.5         |               |
| 10                            | Sư phạm Âm nhạc   | 7140221  | 4                    | N00<br>N01               | Văn, Hát, Thảm âm-Tiết tấu<br>Toán, Hát, Thảm âm-Tiết tấu                                 | Hát       | 22           | 24            |
| 11                            | Sư phạm Mỹ thuật  | 7140222  | 5                    | H00<br>H07               | Văn, Trang trí,<br>Hình họa<br>Toán, Trang trí,<br>Hình họa                               | Hình họa  | 22           | 22            |
| 12                            | Sư phạm Tiếng Anh | 7140231  | 4                    | D01<br>D14<br>D15<br>D13 | Văn, Toán, Tiếng Anh<br>Văn, Sử, Tiếng Anh<br>Văn, Địa, Tiếng Anh<br>Văn, Sinh, Tiếng Anh | Tiếng Anh | 19.5         |               |
| <b>NGÀNH CAO ĐẲNG SƯ PHẠM</b> |                   |          | <b>22</b>            |                          |                                                                                           |           |              |               |
| 1                             | Giáo dục Mầm non  | 51140201 | 20                   | M00<br>M05<br>M07<br>M11 | Văn, Toán, NK GDMN<br>Văn, Sử, NK GDMN<br>Văn, Địa, NK GDMN<br>Văn, Tiếng Anh, NK GDMN    | NK GDMN   | 19           | 22            |
| 2                             | Sư phạm Toán học  | 51140209 | 2                    | A00<br>A01<br>A02<br>A04 | Toán, Lý, Hóa<br>Toán, Lý, Tiếng Anh<br>Toán, Lý, Sinh<br>Toán, Lý, Địa                   |           | 16           | 22            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              |                   |          | <b>100</b>           |                          |                                                                                           |           |              |               |

**Ghi chú:** Công nhận kết quả thi năng khiếu của các trường đại học, cao đẳng công lập khác trên toàn quốc (NK GDMN, NK GDTTC, Hát, Thảm âm - Tiết tấu)

### 3. Điểm xét tuyển các ngành Đại học ngoài sư phạm

| TT                          | Tên ngành                                                                | Mã ngành | Chỉ tiêu xét bổ sung | Tổ hợp môn               | Môn xét tuyển                                                                             | Môn chính | ĐXT          |               |
|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|---------------|
|                             |                                                                          |          |                      |                          |                                                                                           |           | THPT QG 2019 | HỌC BẠ LỚP 12 |
| NGÀNH ĐẠI HỌC NGOÀI SƯ PHẠM |                                                                          |          | 170                  |                          |                                                                                           |           |              |               |
| 1                           | Việt Nam học<br>(Hướng dẫn viên du lịch và Quản lý Nhà hàng - Khách sạn) | 7310630  | 20                   | C00<br>C19<br>C20<br>D14 | Văn, Sử, Địa<br>Văn, Sử, GDCD<br>Văn, Địa, GDCD<br>Văn, Sử, Tiếng Anh                     |           | 17           | 18            |
| 2                           | Ngôn ngữ Anh<br>(- Biên-phiên dịch<br>- Tiếng Anh kinh doanh)            | 7220201  | 20                   | D01<br>D14<br>D15<br>D13 | Văn, Toán, Tiếng Anh<br>Văn, Sử, Tiếng Anh<br>Văn, Địa, Tiếng Anh<br>Văn, Sinh, Tiếng Anh | Tiếng Anh | 14           | 18            |
| 3                           | Quản lý văn hóa                                                          | 7229042  | 10                   | C00<br>C19<br>C20<br>D14 | Văn, Sử, Địa<br>Văn, Sử, GDCD<br>Văn, Địa, GDCD<br>Văn, Sử, Tiếng Anh                     |           | 14           | 18            |
| 4                           | Quản trị kinh doanh                                                      | 7340101  | 20                   | A00<br>A01<br>D01<br>D10 | Toán, Lý, Hóa<br>Toán, Lý, Tiếng Anh<br>Văn, Toán, Tiếng Anh<br>Toán, Địa, Tiếng Anh      |           | 14           | 18            |
| 5                           | Tài chính - Ngân hàng                                                    | 7340201  | 20                   | A00<br>A01<br>D01<br>D10 | Toán, Lý, Hóa<br>Toán, Lý, Tiếng Anh<br>Văn, Toán, Tiếng Anh<br>Toán, Địa, Tiếng Anh      |           | 14           | 18            |
| 6                           | Kế toán                                                                  | 7340301  | 15                   | A00<br>A01<br>D01<br>D10 | Toán, Lý, Hóa<br>Toán, Lý, Tiếng Anh<br>Văn, Toán, Tiếng Anh<br>Toán, Địa, Tiếng Anh      |           | 14           | 18            |
| 7                           | Khoa học môi trường                                                      | 7440301  | 10                   | A00<br>B00<br>D07<br>D08 | Toán, Lý, Hóa<br>Toán, Hóa, Sinh<br>Toán, Hóa, Tiếng Anh<br>Toán, Sinh, Tiếng Anh         |           | 14           | 18            |
| 8                           | Khoa học Máy tính<br>(Công nghệ thông tin)                               | 7480101  | 10                   | A00<br>A01<br>A02<br>A04 | Toán, Lý, Hóa<br>Toán, Lý, Tiếng Anh<br>Toán, Lý, Sinh<br>Toán, Lý, Địa                   |           | 14           | 18            |
| 9                           | Nông học                                                                 | 7620109  | 10                   | A00<br>B00<br>D07<br>D08 | Toán, Lý, Hóa<br>Toán, Hóa, Sinh<br>Toán, Hóa, Tiếng Anh<br>Toán, Sinh, Tiếng Anh         |           | 14           | 18            |



| TT | Tên ngành           | Mã ngành | Chỉ tiêu xét bổ sung | Tổ hợp môn               | Môn xét tuyển                                                                     | Môn chính | ĐXT          |               |
|----|---------------------|----------|----------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|---------------|
|    |                     |          |                      |                          |                                                                                   |           | THPT QG 2019 | HỌC BẠ LỚP 12 |
| 10 | Nuôi trồng thủy sản | 7620301  | 20                   | A00<br>B00<br>D07<br>D08 | Toán, Lý, Hóa<br>Toán, Hóa, Sinh<br>Toán, Hóa, Tiếng Anh<br>Toán, Sinh, Tiếng Anh |           | 14           | 18            |
| 11 | Công tác xã hội     | 7760101  | 15                   | C00<br>C19<br>C20<br>D14 | Văn, Sử, Địa<br>Văn, Sử, GD&CD<br>Văn, Địa, GD&CD<br>Văn, Sử, Tiếng Anh           |           | 14           | 18            |

#### 4. Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển

a. Đối với các ngành **không** có môn chính

(Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm Môn 3) + điểm ưu tiên ( $KV + \text{đổi tượng}$ )  $\geq$  ĐXT  
(không có môn nào 1,0 điểm trở xuống)

b. Đối với các ngành **có** môn chính

$[(\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + (\text{Điểm Môn chính} \times 2)) \times 3/4] + \text{điểm ưu tiên} (KV + \text{đổi tượng}) \geq \text{ĐXT}$   
(không có môn nào 1,0 điểm trở xuống)

#### 5. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian nhận hồ sơ bổ sung đợt 1: Từ ngày **28/8/2019** đến 17g00 ngày **03/9/2019**

- Hình thức nhận:

+ Phương thức 1: Thí sinh gửi trực tiếp tại Phòng Đảm bảo chất lượng (Phòng 209, Lầu 1, Dãy B1). Số 783, Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Điện thoại: (0277) 3882258 hoặc (0277) 3881857 – Trường Đại học Đồng Tháp

+ Phương thức 2: Thí sinh gửi qua đường bưu điện bằng chuyển phát nhanh đến địa chỉ trên trong thời gian quy định.

- Hồ sơ gồm có:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu (Mẫu xét tuyển bổ sung);

+ Bản photocopy giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia năm 2019;

+ 01 phong bì có dán sẵn Tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh;

+ Lệ phí: 30.000 đồng/ 1 nguyện vọng xét tuyển.

- Ngày **04/9/2019**, Trường sẽ thông báo kết quả xét tuyển bổ sung đợt 1.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS, TS. Nguyễn Văn Đệ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP